

**Biểu số 03**

**QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH  
VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số 128/BC-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh Hải Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>			
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>6.610.430</b>	<b>15.169.349</b>	229%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	6.610.430	10.172.017	154%
	<i>Thu thuế, lệ phí, phí và các khoản thu khác</i>		10.172.017	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	3.167.734	
-	Bổ sung cân đối ngân sách	-	-	
-	Bổ sung để thực hiện chính sách tiền lương	-	1.454.707	
-	Bổ sung có mục tiêu	-	1.713.027	
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính (1)		53.000	
4	Thu kết dư		5.019	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		1.627.892	
6	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		24.076	
7	Thu hỗ trợ từ địa phương khác		12.000	
7	Thu viện trợ		-	
8	Thu huy động đóng góp		1.627	
9	Thu từ các khoản cho vay của NN		26.918	
10	Các khoản ghi thu ghi chi		43.800	
10.1	<i>Ghi thu tiền thuê đất nhà đầu tư tự nguyện ứng trước để GPMB</i>		22.333	
10.2	<i>Ghi thu ghi chi kinh phí covid</i>		4.147	
10.3	<i>Ghi chi kinh phí viện trợ không hoàn lại</i>		17.320	
<b>11</b>	<b>Thu vay</b>	<b>-</b>	<b>35.266</b>	
<b>III</b>	<b>Chi ngân sách</b>	<b>3.688.387</b>	<b>15.064.977</b>	
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh	3.644.587	3.771.416	103%
	Tr.đó: Chi trả nợ gốc	23.600	25.755	
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	-	4.949.591	
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	-	4.536.780	
-	Chi bổ sung có mục tiêu	-	412.811	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		4.931.710	
4	Chi nộp ngân sách cấp trên		416.905	
5	Chi hỗ trợ địa phương khác		2.000	
6	Chi Trung ương bổ sung		949.555	
7	Các khoản ghi thu ghi chi	43.800	43.800	
7.1	<i>Kinh phí GPMB nhà đầu tư tự nguyện ứng trước</i>	22.333	22.333	
7.2	<i>Kinh phí covid</i>	4.147	4.147	
7.3	<i>Kinh phí viện trợ</i>	17.320	17.320	
<b>V</b>	<b>Kết dư NST</b>		<b>104.372</b>	
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH HUYỆN</b>			
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>3.212.628</b>	<b>16.959.685</b>	528%

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán</b>	<b>Quyết toán</b>	<b>So sánh (%)</b>
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3=2/1</b>
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	3.212.628	6.887.391	214%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	8.219.665	
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	-	5.544.700	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	-	2.674.965	
3	Thu kết dư		47.767	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		1.656.281	
5	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		3.723	
6	Thu viện trợ		-	
7	Thu huy động đóng góp		24.225	
8	Thu hỗ trợ từ địa phương khác		100	
9	Các khoản ghi thu ghi chi	35.850	120.533	
9.1	<i>Kinh phí GPMB nhà đầu tư tự nguyện ứng trước</i>	35.850	35.850	
9.2	<i>Kinh phí covid</i>		84.683	
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>	<b>7.988.499</b>	<b>16.899.005</b>	212%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách huyện	7.988.499	10.720.957	134%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới (2)		3.270.074	
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách		1.007.920	
-	Chi bổ sung có mục tiêu		2.262.154	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		2.522.049	
4	Chi nộp ngân sách cấp trên		27.799	
5	Chi Trung ương bổ sung		237.593	
6	Các khoản ghi thu ghi chi	35.850	120.533	
6.1	<i>Ghi thu tiền thuê đất nhà đầu tư tự nguyện ứng trước để GPMB</i>	35.850	35.850	
6.2	<i>Ghi thu ghi chi kinh phí covid</i>		84.683	
<b>III</b>	<b>Kết dư</b>		<b>60.680</b>	